

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 72/2018/HNGĐ-ST

Ngày 24-7-2018

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1180/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 1384/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Hà A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Australia; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng An B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 78 phố C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-9-2017 và đơn xin ly hôn nộp 06-02-2018 nguyên đơn là Chị Vũ Hà A trình bày:

Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng vào ngày 10-8-2015. Sau khi kết hôn, chị A và anh B sang Australia chung sống. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do hai bên không hiểu nhau, quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn chủ yếu về vấn đề kinh tế. Sau khi mâu thuẫn phát sinh, ngày 02-10-2017, anh B về Việt Nam sinh sống, từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn gia đình tụ nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Anh Đặng An B trình bày:

Quá trình anh B, chị A kết hôn và chung sống như chị A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, tháng 10-2015, anh B sang Australia cùng chị A, nhưng không chung sống cùng. Anh chị không có tình cảm vợ chồng, không yêu thương nhau. Từ tháng 10-2017, anh B về Việt Nam thăm gia đình và từ đó đến nay chưa quay lại Australia. Thời gian ở Việt Nam, anh B vẫn thường xuyên liên lạc với chị A. Đến nay anh B xác định không có tình cảm với chị A, nhưng vì có lý do liên quan đến số tiền anh B đưa chị A khi anh B sang Australia sinh sống, nên chị A xin ly hôn, anh B không đồng ý.

Về con chung: Anh Đặng An B và Chị Vũ Hà A không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đặng An B và Chị Vũ Hà A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Chị Vũ Hà A vắng mặt tại phiên, đã được chủ tọa phiên tòa đã công bố lý do đương sự vắng mặt, công bố tóm tắt tài liệu, chứng cứ có liên quan trong hồ sơ vụ án; anh Đặng An B bổ sung yêu cầu: yêu cầu chị A phải trả anh B số tiền 13.000USD mà anh đã giao cho chị A để làm thủ tục cho anh B được sang Australia sinh sống, anh B xác định số tiền này không phải tài sản chung của anh và chị A, anh đồng ý ly hôn trong trường hợp chị A trả anh số tiền trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy cuộc sống chung giữa Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B không còn tồn tại do anh chị không có tình cảm, không yêu thương nhau, không thể đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147,

điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Hà A được ly hôn anh Đặng An B; về án phí: Chị Vũ Hà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Hà A hiện đang cư trú tại Australia, có đơn xin ly hôn anh Đặng An B hiện đang cư trú tại Việt Nam, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là Chị Vũ Hà A vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng vào ngày 10-8-2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tháng 10-2015 anh B sang Australia chung sống cùng nhà với chị A, được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị A và anh B không yêu thương nhau, không có tình cảm vợ chồng và không chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, quan điểm sống khác nhau, mâu thuẫn chủ yếu về vấn đề kinh tế. Đến ngày 02-10-2017, anh B về Việt Nam thăm gia đình và sinh sống từ đó đến nay, tại phiên tòa anh B cũng thừa nhận anh không có tình cảm vợ chồng với chị A, thực tế anh chị không sống cùng nhau. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị A, anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị A xin ly hôn với anh B là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho Chị Vũ Hà A được ly hôn Anh Đặng An B.

[4] Về con chung: Chị A và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, Anh Đặng An B bổ sung yêu cầu khởi kiện: Anh yêu cầu chị A phải trả anh số tiền 13.000USD mà anh đã giao cho chị A để làm thủ tục cho anh B được sang Australia sinh sống, anh B xác định số tiền này không phải tài sản chung của anh và chị A nhưng anh B không xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về việc giao nhận số tiền 13.000USD giữa anh và chị A. Mặt khác, anh B cũng trình bày số tiền 13.000USD không phải là tài sản chung của anh và chị A, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, yêu cầu trên của anh B tại phiên tòa là vượt quá phạm vi giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh B vẫn yêu cầu chị A phải trả anh số tiền 13.000USD thì anh B có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác, trình tự và thủ tục khởi kiện phải tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị Vũ Hà A là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[7] Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 1 Điều 474, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Hà A được ly hôn anh Đặng An B.

2. Về con chung: Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Hà A và anh Đặng An B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Hà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010610 ngày 07-02-2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Hà A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

- Anh Đặng An B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Vũ Hà A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường D, quận E, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà